

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH
KINH TẾ HỌC
MÃ SỐ: 62 31 01 01**

**Đã được Hội đồng khoa học Viện Kinh tế và Quản lý thông qua
ngày tháng năm**

HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang	
PHẦN I	TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1	Mục tiêu đào tạo	4
1.1	Mục tiêu chung	4
1.2	Mục tiêu cụ thể	4
2	Thời gian đào tạo	5
3	Khối lượng kiến thức	5
4	Đối tượng tuyển sinh	5
5	Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt	6
6	Thang điểm	6
7	Nội dung chương trình	7
7.1	Cấu trúc	7
7.2	Học phần bổ sung, chuyển đổi	7
7.2.1	Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi	7
7.2.2	Mô tả tóm tắt học phần bổ sung, chuyển đổi	8
7.2.3	Thời hạn hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi	8
7.3	Học phần trình độ Tiến sĩ	8
7.3.1	Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ	8
7.3.2	Mô tả tóm tắt học phần trình độ Tiến sĩ	9
7.3.3	Kế hoạch học tập các học phần trình độ Tiến sĩ	12
7.4	Chuyên đề Tiến sĩ	12
8	Danh sách Tạp chí / Hội nghị Khoa học	13
PHẦN II	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	17
9	Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo	18
9.1	Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi	18
9.2	Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ	18
10	Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ	18

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành đào tạo: Kinh tế học (Economics)
Mã chuyên ngành: 62 31 01 01

(Ban hành theo Quyết định số / QĐ-ĐHBK-SĐH ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Bách Khoa Hà Nội)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học nhằm đào tạo các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu ở trình độ cao các lĩnh vực thuộc về khoa học kinh tế, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế quốc dân và quốc tế, đồng thời có khả năng tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo, tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học:

- Có khả năng phát hiện và trực tiếp giải quyết các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế học và khoa học quản lý trong các lĩnh vực kinh tế của quốc gia và thế giới.
- Có khả năng dẫn dắt, lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và khoa học quản lý.
- Có khả năng thực hiện các nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các giải pháp có ý nghĩa trong lĩnh vực kinh tế và khoa học quản lý dưới dạng các đề tài nghiên cứu, bài báo và tham luận khoa học.
- Có khả năng cao để trình bày, giới thiệu (bằng các hình thức bài viết, báo cáo hội nghị, giảng dạy đại học và sau đại học) các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế học và khoa học quản lý.

2. Thời gian đào tạo

Vận dụng Khoản 4 Điều 81, *Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học* do Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội ban hành theo quyết định số 1492/QĐ-ĐH BK-SĐH ngày 30/9/2009, thời gian đào tạo tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học sẽ là:

- *Hệ tập trung liên tục*: 3 năm liên tục đối với NCS có bằng ThS, 4 năm đối với NCS có bằng ĐH.
- *Hệ không tập trung liên tục*: NCS có văn bằng ThS đăng ký thực hiện trong vòng 4 năm đảm bảo tổng thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường là 3 năm và 12 tháng đầu tiên tập trung liên tục tại Trường.

3. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của các học phần trình độ tiến sĩ và khối lượng của các học phần bổ sung, học phần chuyên đổi được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của *các học phần Tiến sĩ* và khối lượng của *các học phần bổ sung* được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

- NCS đã có bằng ThS: 8 tín chỉ học phần tiến sĩ + khối lượng bổ sung (nếu có).
- NCS mới có bằng ĐH: 8 tín chỉ học phần tiến sĩ + 28 tín chỉ (không kể luận văn) của Chương trình Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành Kinh tế học (tương đương với 41 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng Thạc sĩ với chuyên ngành tốt nghiệp phù hợp (đúng chuyên ngành) hoặc gần phù hợp với chuyên ngành Kinh tế học. Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học, chỉ tuyển sinh chuyên ngành tốt nghiệp phù hợp (đúng chuyên ngành). Mức độ "*phù hợp hoặc gần phù hợp*" với chuyên ngành Kinh tế học, được định nghĩa cụ thể ở mục 4.1 sau đây.

4.1 Định nghĩa

Chuyên ngành phù hợp (đúng): chuyên ngành tốt nghiệp cao học được xác định là chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành xét tuyển NCS khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai chuyên ngành này ở trình độ cao học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

Chuyên ngành gần phù hợp: Chuyên ngành tốt nghiệp cao học được xác định là chuyên ngành gần với chuyên ngành dự tuyển NCS khi cùng nhóm chuyên ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai chuyên ngành này ở trình độ cao học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. Bao gồm những chuyên ngành sau: Quản lý kinh tế, Quản trị kinh

doanh, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh thương mại, Quản trị nhân lực, Chính sách công, Quản lý công, Quản lý năng lượng, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Quản lý năng lượng.

4.2 Phân loại đối tượng ngành

Đối tượng A1: Thí sinh có bằng ThS Khoa học của ĐH Bách khoa Hà Nội, thạc sĩ khoa học các trường đại học ở nước ngoài có uy tín cấp, với ngành tốt nghiệp cao học đúng với chuyên ngành Tiến sĩ.

Đây là đối tượng không phải tham gia học bổ sung.

Đối tượng A2: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đúng, phù hợp với ngành/chuyên ngành xếp loại “Xuất sắc” hoặc loại “Giỏi”. Đối với bằng tốt nghiệp xếp loại “Giỏi” yêu cầu người dự tuyển là tác giả của ít nhất 01 bài báo đã đăng trong tạp chí/kỷ yếu hội nghị chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục Viện chuyên ngành quy định hoặc người dự tuyển đạt thành tích sinh viên nghiên cứu khoa học từ giải ba cấp Trường trở lên.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung toàn bộ chương trình thạc sĩ khoa học.

Đối tượng A3: Thí sinh có bằng ThS kỹ thuật (thạc sĩ theo định hướng ứng dụng) đúng ngành hoặc có bằng ThS tốt nghiệp ngành gần phù hợp.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt

- Quy trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tuân thủ Quyết định số 3341/QĐ-ĐHKB-SĐH ngày 21/8/2014 về tổ chức và quản lý đào tạo Sau đại học của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.
- Các học phần bổ sung, học phần tiến sĩ và chuyên đề tiến sĩ phải đạt mức điểm C trở lên (xem mục 6).

6. Thang điểm

Khoản 6a Điều 62 của Quy định 3341/2014 quy định:

- Việc chấm điểm kiểm tra - đánh giá học phần (bao gồm các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần) được thực hiện theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần).
- Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:
Điểm số từ 8,5 – 10 chuyển thành điểm A (Giỏi)

Điểm số từ	7,0 – 8,4	chuyển thành	điểm B (Khá)
Điểm số từ	5,5 – 6,9	chuyển thành	điểm C (Trung bình)
Điểm số từ	4,0 – 5,4	chuyển thành	điểm D (Trung bình yếu)
Điểm số dưới	4,0	chuyển thành	điểm F (Kém)

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ gồm có 3 phần như bảng sau đây.

Phần	Nội dung đào tạo	A1	A2	A3
1	HP bổ sung	0	CT ThS KH	15 TC
	HP TS	8 TC		
2	TLTQ	2 TC (Thực hiện và báo cáo trong năm học đầu tiên)		
	CĐTS	Tổng cộng 3 CĐTS, mỗi CĐTS 2TC		
3	NC khoa học và Luận án TS	90 TC (thực hiện trong 3 năm đối với hệ tập trung liên tục và 04 năm đối với hệ không tập trung liên tục)		

Lưu ý:

Số TC qui định cho các đối tượng trong là số TC tối thiểu NCS phải hoàn thành.

Đối tượng A2 phải thực hiện toàn bộ các học phần qui định trong chương trình ThS Khoa học của ngành tương ứng, không cần thực hiện luận văn ThS.

Các HP bổ sung được lựa chọn từ chương trình đào tạo Thạc sĩ của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ.

Việc qui định số TC của HP bổ sung cho đối tượng A3 do Hội đồng khoa học Viện chuyên ngành và người hướng dẫn (NHD) quyết định dựa trên cơ sở đối chiếu các học phần trong bảng kết quả học tập ThS của thí sinh với chương trình ThS hiện tại của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ nhưng phải đảm bảo số TC tối thiểu và tối đa trong bảng.

Các HP TS được NHD đề xuất từ chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ của trường nhằm trang bị kiến cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu cụ thể của LATS.

7.2. Học phần bổ sung

Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ (Đối tượng A2)

NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận là NCS gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế học theo chương trình quy định như trong chi tiết mục 7 “*Danh mục học phần chuyên ngành (bao gồm tất cả các môn bắt buộc, tự chọn, bổ sung, chuyển đổi)*” quyền “*Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kinh tế học*”.

Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần (Đối tượng A3)

Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với chuyên ngành đề nghị học các học phần bổ sung như sau:

ĐỐI TƯỢNG	HỌC PHẦN	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
A3	Bổ sung	EM6340	Kinh tế lượng nâng cao	3	3(3-0-0-6)
		EM6410	Các định chế tài chính	3	3(3-0-0-6)
		EM6480	Kinh tế học đầu tư	3	3(3-0-0-6)
		EM6700	Hoạch định và phát triển	3	3(3-0-0-6)
		EM6210	Chuyên đề	3	3(3-0-0-6)

7.3. Các học phần trình độ Tiến sĩ

Các HP TS nhằm giúp NCS cập nhật các kiến thức mới nhất của lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận NC và khả năng ứng dụng các phương pháp NC khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực NC. Mỗi HP TS được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 TC. Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu 8 TC tương ứng với 3 HP trở lên.

Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Bắt buộc	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	TS. Nguyễn Mai Anh TS. Phạm Thị Thanh Hồng TS. Phạm Thị Kim Ngọc TS. Lê Hiếu Học TS. Phạm Thị Nhuận	3	3(3-0-0-6)
	EM7200	Các lý thuyết kinh tế học hiện đại	PGS. Nguyễn Ái Đoàn TS. Nguyễn Tiên Phong TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	3	3(3-0-0-6)
Tự chọn	EM7211	Lý thuyết Giá	PGS. Bùi Xuân Hồi TS. Nguyễn Đại Thắng TS. Nguyễn Tiên Phong	3	3(3-0-0-6)
	EM7221	Kinh tế học phát triển	TS. Phạm Thị Kim Ngọc TS. Nguyễn Thị Thu Thủy PGS. Nguyễn Ái Đoàn	3	3(3-0-0-6)
	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	PGS. Phạm Thị Thu Hà PGS. Bùi Xuân Hồi PGS. Trần Văn Bình TS. Phạm Cảnh Huy TS. Nguyễn Tiên Phong	3	3(3-0-0-6)
	EM7241	Kinh tế học lao động	TS. Nguyễn Danh Nguyên TS. Cao Tô Linh	3	3(3-0-0-6)

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
			TS. Phạm Thị Nhuận GS. Đỗ Văn Phúc		
	EM7251	Kinh tế học tiền tệ	PGS. Nghiêm Sĩ Thương TS. Đào Thanh Bình TS. Ngô Thu Giang TS. Nguyễn Thúc Hương Giang	3	3(3-0-0-6)

* Nghiên cứu sinh có thể chọn một học phần tự chọn liên quan đến lĩnh vực Kinh tế học trong các học phần do Viện Kinh tế và Quản lý phụ trách, phù hợp với yêu cầu của đề tài nghiên cứu.

Mô tả tóm tắt học phần trình độ Tiến sĩ

EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

EM7010 Research Methods in Economics and Business Studies

The tools of research methodology will be discussed in this course and linked with problems in economics and business studies. The philosophical bases for conceiving and designing research, choice points in research design (eg, experimental vs. non-experimental methods, field vs. laboratory studies), and attendant issues of reliability, validity, and statistical analysis is covered. The course concludes with a hands-on examination of social research tools such as the questionnaire, interviews, and observation techniques.

EM7200 Các lý thuyết kinh tế học hiện đại

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu của các lý thuyết kinh tế mới, các xu hướng phát triển của kinh tế học hiện đại trong mối quan hệ với các vấn đề kinh tế có tính thời sự trong nước và quốc tế.

EM7200 Modern Economics Theories

This course aims to provide indeep knowledge of modern economics theories and the development trend of modern economics theories in the relationship with contemporary economics issues in Vietnam and over the world.

EM7211 Lý thuyết Giá

Môn học hệ thống hoá các vấn đề lý thuyết về giá cả, các cách tiếp cận nghiên cứu, các phương pháp định giá, cơ chế hình thành và dao động của giá cả theo thời gian và theo các cấu trúc thị trường khác nhau: thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền, độc quyền nhóm.

Trên cơ sở đó, lý thuyết giá cung cấp các nền tảng cho phép thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về động thái của giá cả, cơ chế hình thành giá cả trên các thị trường trong nước và quốc tế điển hình như thị trường dầu mỏ, thị trường các yếu tố đầu vào.

EM7211 Price Theory

This course synthetize the fundamental theory of price, the different approachs to price researching, pricing methodologies, mecanismes of price determination and dynamics in different structures of market. So, the price theory supply the synthetic knowledge that permits to realize the studies of price determination and dynamics in the typical national and international markets like the petrol international market etc..

EM7221 Kinh tế học phát triển

Kinh tế học phát triển là một khoa học nghiên cứu các lý thuyết, mô hình, nguồn lực và các phương thức để đưa một nền kinh tế kém phát triển thành một nền kinh tế phát triển. Môn học này là một chuyên ngành của kinh tế học ứng dụng nghiên cứu các đặc trưng kinh tế xã hội điển hình của một nền kinh tế kém phát triển từ quan điểm về nỗ lực của các hộ gia đình cũng như doanh nghiệp. Môn học này không những trang bị các lý thuyết về phát triển mà còn mang tính ứng dụng thực tế phát triển kinh tế các nước, các ngành và lĩnh vực phát triển kinh tế. Thông qua việc sử dụng các phương pháp của kinh tế học vi mô, các phương pháp toán học, tối ưu hóa và kết hợp giữa các phương pháp định lượng và định tính cũng như việc phát triển kết hợp các chiến lược về chính trị và xã hội, môn học này sẽ giúp các nhà quản trị xây dựng các kế hoạch về phát triển tại các nước thế giới thứ ba.

EM7221 Development Economics

Development economics is a science theories, models, resources and methods to improve less developing economy to developed economy. This course is one of majors of economics specialized in the research applications of socio-economic characteristics of a typical underdeveloped economy from the perspective of the efforts of households and businesses. This course is not only equipped with theories of development but also offers practical applicability of economic development of countries, sectors and areas of economic development. Through the use of the method of micro-economics, mathematical methods, optimization methods, combining qualitative and quantitative development, as well as the strategic combination of political and social, this course will help managers develop plans for development in third world countries

EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ quan điểm phát triển bền vững. Nội dung của môn học tập trung làm rõ quan điểm phát triển bền vững với việc cân bằng và làm hài hoà đồng thời ba nội dung của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường. Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”.

EM7131 Issues of Energy and Sustainable Development

This course is to provide the specialized knowledge of theoretical and empirical issues about energy economics and energy system development from the viewpoint of sustainable development. The content this course focuses on the development sustainable concept with the balance and harmony while the trio factors of development: Economic Development; Natural resources exploitation and utilization; Global Climate change and Environmental protection. So, the energy system development will be studied by this new approach of sustainable development.

EM7241 Kinh tế học lao động

Mục tiêu của học phần này nhằm cung cấp học viên những phân tích kinh tế tổng quan về kinh tế học lao động. Học viên sẽ nắm bắt được những cách thức làm thế nào để các doanh nghiệp đưa ra các quyết định liên quan đến nhu cầu của họ về người lao động, người lao động quyết định như thế nào về việc làm của họ và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về lương và các chế độ phúc lợi. Học phần này cũng sẽ nghiên cứu về lịch sử xu thế thị trường lao động và những vấn đề ảnh hưởng đến thị trường như sự thay đổi về nhân khẩu học, sự phân biệt đối xử và vai trò của các tổ chức công đoàn. Thông qua học phần này, chúng ta cũng sẽ nắm bắt những ảnh hưởng của các chính sách công (như lương tối thiểu, cơ hội việc làm thay thế, và chính sách trợ cấp thất nghiệp) tác động đến thị trường lao động.

EM7241 Labour Economics

The objective of this course is to provide you with an introduction to the broad field of labor economics. You will become familiar with models of how firms make decisions about their need for workers, how workers make labor supply decisions, and how wages and other benefits are determined. We will also discuss historical labor market trends and other important issues that affect the labor market such as immigration, discrimination, and unions. Throughout the course, we will investigate the effects of relevant public policies (such as minimum wage, employment subsidies, and unemployment insurance) on the labor market.

EM7251 Kinh tế học tiền tệ

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu của kinh tế học dưới góc độ tiền tệ, có liên quan đặc biệt tới hoạt động của hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, tới chính sách tiền tệ và quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính.

EM7251 Monetary Economics

This course aims to provide in-depth knowledge of economics theories in terms of monetary economics in the relationship with banking system, financial market, and government policies such as monetary policies and financial market policies.

Kế hoạch học tập các học phần Tiên sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần Tiên sĩ trong vòng 24 tháng kể từ ngày Ký quyết định công nhận NCS và theo kế hoạch năm học. Học phần TS được coi là đạt nếu điểm kết thúc đạt từ C trở lên

Các học phần TS được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Khi NCS nhập học, NCS phải đăng ký học các học phần TS và nộp cho Viện ĐT Sau đại học.

Bước 2: Viện Kinh tế và Quản lý lên kế hoạch tổ chức lớp và thông báo cho giáo viên phụ trách học phần và giao cho giáo viên phụ trách học phần trong tuần thứ 5 của học kỳ.

Bước 3: NCS thực hiện các học phần TS theo đúng qui định và yêu cầu của môn học.

Bước 4: Giáo viên giảng dạy có trách nhiệm nộp cho Viện Kinh tế và Quản lý kết quả học phần chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc học kỳ để Viện chuyên ngành nộp kết quả cho Viện Đào tạo Sau đại học.

7.4. Tiểu luận tổng quan

Bài TLTQ về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án: thể hiện kết quả nghiên cứu phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. NCS thực hiện bài TLTQ dưới sự hướng dẫn của NHD luận án.

Tiểu luận tổng quan được đánh giá kết thúc thông qua hình thức báo cáo trước đơn vị chuyên môn (báo cáo trình bày trong khoảng 15 phút), tranh luận và trả lời câu hỏi, sau đó đơn vị chuyên môn sẽ đánh giá bài TLTQ đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, có ghi biên bản buổi báo cáo.

NCS phải hoàn thành bài TLTQ với kết quả đạt yêu cầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày được triệu tập trúng tuyển. Tiểu luận tổng quan tương đương với 2 tín chỉ.

7.5. Chuyên đề Tiến sĩ

Các CĐTTS đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực NC khoa học, giúp NCS giải quyết trực tiếp một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ, có thể tùy chọn từ danh sách hướng chuyên sâu. Mỗi hướng chuyên sâu đều có người hướng dẫn do Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành của Viện quyết định.

Người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể. Ưu tiên đề xuất đề tài gắn liền, thiết thực với đề tài của luận án Tiến sĩ.

Sau khi đã có đề tài cụ thể, NCS thực hiện đề tài đó dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn chuyên đề.

Danh mục hướng chuyên sâu cho Chuyên đề Tiến sĩ

MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
EM7300	Tổng quan về kinh tế học đương đại	1. PGS. Nguyễn Ái Đoàn 2. TS. Bùi Xuân Hồi 3. TS. Nguyễn Đại Thắng 4. TS. Nguyễn Thị Thu Thủy 5. TS. Nguyễn Tiên Phong	2

MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
EM7311	Kinh tế năng lượng	1. PTS. Trần Văn Bình 2. PGS. Phạm Thị Thu Hà 3. TS. Phạm Cảnh Huy 4. PGS. Bùi Xuân Hồi 5. TS. Phan Diệu Hương	2
EM7321	Lịch sử phát triển kinh tế học	1. PGS. Nguyễn Ái Đoàn 2. TS. Nguyễn Đại Thắng 3. TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	2
EM7331	Kinh tế lượng	1. TS. Phạm Cảnh Huy 2. TS. Phan Diệu Hương 3. TS. Phạm Thị Thanh Hồng	2
EM7341	Kinh tế lao động	1. GS. Đỗ Văn Phúc 2. TS. Nguyễn Danh Nguyên 3. TS. Cao Tô Linh 4. TS. Phạm Thị Nhuận	2
EM7351	Kinh tế môi trường	1. PGS. Phạm Thị Thu Hà 2. PGS. Bùi Xuân Hồi 3. PGS. Trần Văn Bình 4. TS. Phan Diệu Hương	2
EM7361	Kinh tế tri thức	1. TS. Phạm Thị Thanh Hồng 2. TS. Nguyễn Thị Mai Anh 3. PGS. Trần Văn Bình	2

CĐTS được coi là đạt nếu kết quả trung bình của các thành viên hội đồng đạt từ C trở lên.

7.6. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

NC khoa học là giai đoạn chính, mang tính bắt buộc trong quá trình NCS thực hiện LATS. Đây là giai đoạn mà NCS có thể đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới, hình thành các cơ sở quan trọng nhất để viết nên LATS. Trên cơ sở tính chất của lĩnh vực NC thuộc khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật – công nghệ, các Viện chuyên ngành, các BM và NHD có các yêu cầu cụ thể đối với việc NC khoa học của NCS:

- Đánh giá hiện trạng tri thức, hiện trạng giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án.
- Yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết.
- Yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, gắn liền với thí nghiệm.
- Phân tích, đánh giá các kết quả thu được từ quá trình suy luận khoa học hay thí nghiệm.

NCS phải chủ động thực hiện nhiệm vụ NCKH và kết quả nghiên cứu phải được công bố chính thức thành các bài báo khoa học theo đúng quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ. Các đề

tài NCKH và bài viết công bố phải phù hợp với mục tiêu của luận án, đảm bảo tính trung thực, tính khoa học và tính mới. Nội dung các bài báo không được trùng lặp và phản ánh các nội dung chính của luận án. Các bài báo, phát minh, sáng chế là kết quả nghiên cứu, nghiên cứu sinh phải đứng tên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Luận án tiến sĩ phải là một công trình NC khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Luận án tiến sĩ thực hiện đúng quy cách và đảm bảo các yêu cầu cơ bản theo quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ.

NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

8. Danh sách Tạp chí / Hội nghị khoa học

Các diễn đàn khoa học trong và ngoài nước trong bảng dưới đây là nơi NCS có thể chọn công bố các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ hoàn thành luận án Tiến sĩ.

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
1	Các tạp chí khoa học nước ngoài cấp quốc gia và quốc tế viết bằng một trong các thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Tây Ban Nha (có mã số ISSN kể cả tạp chí của các trường đại học nước ngoài)		Hàng tháng hoặc hàng quý
2	Nghiên cứu Kinh tế	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
3	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	Hàng tháng
4	Phát triển kinh tế	ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
5	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế thế giới)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
6	Khoa học Thương mại	ĐH Thương mại	Hàng tháng
7	Kinh tế đối ngoại	ĐH Ngoại thương	Hàng tháng
8	Nghiên cứu Tài chính - Kế toán	Học viện Tài chính	Hàng tháng
9	Quản lý Nhà nước	Học viện Hành chính Quốc gia	Hàng tháng
10	Khoa học và Đào tạo ngân hàng	Học viện Ngân hàng	Hàng tháng

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
11	Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam	Hàng tháng
12	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học kinh tế, quản lý và kinh doanh của các trường ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, ĐH Thái Nguyên, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác (nếu có)		
13	Kinh tế - Dự báo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng tháng
14	Ngân hàng (tên cũ: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Thông tin Khoa học Ngân hàng)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
15	Economic Development	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
16	Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
17	Journal of Vietnam Socio-Economic Development	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Hàng tháng
18	Vietnam Social Science	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Hàng tháng
19	Kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước	Hàng tháng
20	Thương mại	Bộ Công thương	Hàng tháng
21	Tài chính	Bộ Tài chính	Hàng tháng
22	Công nghiệp	Bộ Công nghiệp	Hàng tháng
23	Thị trường Tài chính tiền tệ	Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam	Hàng tháng
24	Thuế Nhà nước	Tổng cục Thuế	Hàng tháng
25	Vietnam Banking Review	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
26	Vietnam Economic Review	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
27	Thống kê (con số và sự kiện)	Tổng cục Thống kê	Hàng tháng
28	Du lịch Việt Nam	Tổng cục Du lịch	Hàng tháng
29	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Hàng tháng
30	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính	Hàng tháng

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
31	Lao động xã hội	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Hàng tháng
32	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
33	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản; Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
34	Châu Mỹ ngày nay	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
35	Hoạt động khoa học	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hàng tháng
36	Nghiên cứu Châu Âu	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
37	Nghiên cứu Quốc tế	Học viện Quan hệ Quốc tế	Hàng tháng
38	Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
39	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Hàng tháng
40	Quản lý Kinh tế	Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương	Hàng tháng

PHẦN II

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

9. Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

9.1. Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi

Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi có thể xem chi tiết mục 9 “*Danh bạ học phần chi tiết* (bao gồm tất cả các môn bắt buộc, tự chọn, bổ sung, chuyển đổi)” quyển “*Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kinh tế học*”.

9.2. Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ

Số TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÊN TIẾNG ANH	KHỐI LƯỢNG	Khoa/Viện Bộ môn	Đánh giá
1	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	Research Methods in Economics and Business Studies	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD và KTH	KT0,3-T0,7
2	EM7200	Các lý thuyết kinh tế học hiện đại	Modern Economics Theories	3(2-0-2-6)	Bộ môn KTH	KT0,3-T0,7
3	EM7211	Lý thuyết Giá	Price Theory	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và KTNL	KT0,3-T0,7
4	EM7221	Kinh tế học phát triển	Development Economics	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và QLCN	KT0,3-T0,7
5	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	Issues of Energy and Sustainable Development	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTNL	KT0,3-T0,7
6	EM7241	Kinh tế học lao động	Labour Economics	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và QLCN	KT0,3-T0,7
7	EM7251	Kinh tế học tiền tệ	Monetary Economics	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và QLTC	KT0,3-T0,7
8	EM7261	Kinh tế tri thức	Knowledge Economy	3(2-2-0-6)	Bộ môn QTKD và QLCN	KT0,4-T0,6

10. Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ

(xin xem từ trang kế tiếp)

EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

Research Methods in Economics and Business Studies

- 1. Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
- 2. Mã học phần:** EM7010
- 3. Tên tiếng Anh:** Research Methods in Economics and Business Studies
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh Tế Công Nghiệp và Kinh tế học
- 6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:
 - Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu
 - Biết cách lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu
 - Biết cách thiết kế và triển khai một nghiên cứu
 - Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu
- 7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: 100%
 - Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thí nghiệm: không
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)
 - Đánh giá quá trình: 30%
 - Tham gia dự giờ trên lớp học
 - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2 Phân loại nghiên cứu khoa học
- 1.3 Tiêu chí đánh giá một nghiên cứu
- 1.4 Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 1.5 Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu
- 1.6 Kết quả của một cuộc nghiên cứu khoa học

CHƯƠNG 2: Xác định vấn đề nghiên cứu

- 2.1 Lựa chọn đề tài
- 2.2 Giới hạn đề tài
- 2.3 Soạn thảo đề cương chi tiết
- 2.4 Định hướng nghiên cứu

CHƯƠNG 3: Lập kế hoạch nghiên cứu

- 3.1 Mô hình nghiên cứu
- 3.2 Phương pháp nghiên cứu
- 3.3 Đối tượng nghiên cứu

CHƯƠNG 4: Xây dựng thang đo

- 4.1 Số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp
- 4.2 Đo lường là gì?
- 4.3 Các loại thang đo
- 4.4 Đánh giá thang đo
- 4.5 Đo lường thái độ

CHƯƠNG 5: Các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

- 5.1 Các phương pháp chọn mẫu
- 5.2 Các phương pháp giao tiếp trong điều tra

CHƯƠNG 6: Phân tích dữ liệu

- 6.1 Phân tích định tính
- 6.2 Phân tích định lượng

CHƯƠNG 7: Trình bày kết quả nghiên cứu

- 7.1 Kết cấu một báo cáo nghiên cứu
- 7.2 Cách viết tài liệu tham khảo
- 7.3 Phổ biến kết quả nghiên cứu

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Nguyễn Thị Cành, Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2004.
- [2] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: NXB KHKT, lần thứ 8, 2003.
- [3] Mark Saunders, Philip Lewis, và Adrian Thornhill (dịch giả Nguyễn Văn Dung), 2010. *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính
- [4] Marczyk, G., DeMatteo, D., and Festinger, D., 2005. *Essentials of Research Design and Methodology*. John Wiley & Sons.
- [5] Neil J. Salkind 2006. *Exploring Research*, Pearson Education International
- [6] Nguyễn Xuân Nghĩa, Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội. TP.HCM: NXB Trẻ, 2004.
- [7] Nhật Từ, Cẩm nang viết khảo luận, luận văn, luận án. TP.HCM: NXB Tp.HCM, 2003.
- [8] Yin, R. K. (2003) *Case Study Research: Design and Methods*, 3rd Ed. (London etc.: SAGE Publications).
- [9] Các tài liệu, giáo trình môn học Lý thuyết Thống Kê.

EM7200 Các lý thuyết kinh tế học hiện đại

Modern Economics Theories

- 1. Tên học phần:** Các lý thuyết kinh tế học hiện đại
- 2. Mã học phần:** EM7200
- 3. Tên tiếng Anh:** Modern Economics Theories
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học
- 6. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:
 - Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành kinh tế học theo một số chủ đề mang tính thời sự được lựa chọn
 - Rèn luyện khả năng tư duy kinh tế học
 - Rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế
- 7. Nội dung tóm tắt:** Học phần đề cập đến một số chủ đề quan trọng trong kinh tế học hiện đại, gắn với các vấn đề thực tế mang tính thời sự như chống độc quyền, thúc đẩy cạnh tranh, hoàn thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, ổn định giá cả, tỷ giá,... nhằm đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: Theo yêu cầu
 - Bài tập: Nghiên cứu, tóm tắt các tài liệu được giao từ các sách, tạp chí; Ứng dụng phân tích các vấn đề thực tế theo chủ đề
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm theo quy định đối với Cao học)
 - Mức độ dự giờ giảng: 10%
 - Kiểm tra định kỳ: 20%
 - Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH

- 1.1. Cơ cấu thị trường
- 1.2. Tính hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- 1.3. Sức mạnh thị trường: độc quyền bán và độc quyền mua
- 1.4. Định giá trong điều kiện có sức mạnh thị trường
- 1.5. Can thiệp của chính phủ hạn chế tác động của độc quyền
- 1.6. Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh
- 1.7. Các thị trường yếu tố đầu vào

CHƯƠNG 2: THÔNG TIN, KHUYẾT TẬT THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH

- 2.1. Cân bằng tổng thể và hiệu quả kinh tế
- 2.2. Thị trường với các thông tin không tương xứng
- 2.3. Các ngoại ứng và hàng hoá công cộng

CHƯƠNG 3: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG DÀI HẠN

- 3.1. Các nhân tố của tăng trưởng kinh tế
- 3.2. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế
- 3.3. Tiết kiệm, đầu tư và tăng trưởng kinh tế
- 3.4. Môi trường kinh doanh và tăng trưởng kinh tế

CHƯƠNG 4: CHU KỲ KINH DOANH VÀ CHỐNG CHU KỲ

- 4.1. Đặc điểm của chu kỳ kinh doanh
- 4.2. Các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh
- 4.3. Mô hình gia tốc-số nhân
- 4.4. Lý thuyết chu kỳ kinh doanh thực tế
- 4.5. Chính sách tài chính tiền tệ và quản lý chu kỳ kinh doanh

CHƯƠNG 5: ỔN ĐỊNH GIÁ CẢ

- 5.1. Bản chất và các tác động của lạm phát
- 5.2. Các lý thuyết hiện đại về lạm phát
- 5.3. Cung tiền, chính sách tiền tệ và lạm phát
- 5.4. Quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp
- 5.5. Cuộc chiến về nguyên nhân lạm phát ở Việt Nam
- 5.6. Chống lạm phát ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

- 6.1. Cơ sở kinh tế của thương mại quốc tế
- 6.2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái
- 6.3. Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán
- 6.4. Chính sách tỷ giá hối đoái
- 6.5. Ứng dụng phân tích chính sách tỷ giá hối đoái ở Việt Nam

11. Tài liệu học tập:

Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus. (1997) *Kinh tế học*. NXB Chính trị quốc gia

Robert S. Pindyck, Danie L. Rubinfeld. (1999) *Kinh tế học vi mô*. NXB Thống kê

12. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Ái Đoàn (2010) *Giáo trình kinh tế học vĩ mô*. NXB Bách khoa- Hà Nội

[2] Nguyễn Đại Thắng (2007) *Giáo trình Kinh tế học vi mô*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[3] Robert C. Guell. (2008) *Những chủ đề kinh tế học hiện đại*. NXB Đồng Nai

EM7211 Lý thuyết giá

Price Theory

1. **Tên học phần:** Lý thuyết giá
2. **Mã học phần:** EM7211
3. **Tên tiếng Anh:** Price Theory
4. **Khối lượng:** 3 (3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thí nghiệm:
5. **Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và các chuyên ngành có liên quan
6. **Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:
 - Các kiến thức tổng hợp chuyên sâu về lý thuyết giá trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp cơ bản về định giá, sự hình thành của giá cả theo đặc trưng về cấu trúc và đặc trưng của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ
 - Cho phép thực hiện các phân tích chuyên sâu ứng dụng đối với động thái của giá các hàng hoá điển hình.
7. **Nội dung tóm tắt:**

Môn học hệ thống hoá các vấn đề lý thuyết về giá cả, các cách tiếp cận nghiên cứu, các phương pháp định giá, cơ chế hình thành và dao động của giá cả theo thời gian và theo các cấu trúc thị trường khác nhau: thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền, độc quyền nhóm. Trên cơ sở đó, lý thuyết giá cung cấp các nền tảng cho phép thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về động thái của giá cả, cơ chế hình thành giá cả trên các thị trường trong nước và quốc tế điển hình như thị trường dầu mỏ, thị trường các yếu tố đầu vào.
8. **Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: 100%
 - Bài tập: tham dự đầy đủ và tích cực làm bài
 - Thí nghiệm:
9. **Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)
 - Mức độ dự giờ giảng: 10%
 - Kiểm tra định kỳ: 20%
 - Thi kết thúc học phần: 70%
10. **Nội dung chi tiết học phần:**

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CƠ BẢN VỀ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- 1.1. Lý thuyết cơ bản về chi phí
- 1.2. Giá thành sản phẩm và dịch vụ
- 1.3. Các phương pháp định giá sản phẩm
- 1.4. Giá đối với sản phẩm đặc thù: áp dụng cho sản phẩm năng lượng

CHƯƠNG 2: CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA GIÁ CẢ

- 2.1. Quyết định của doanh nghiệp về mức sản lượng và mức giá
- 2.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo và giá trong thị trường cạnh tranh
- 2.3. Thị trường cạnh tranh độc quyền: Sự khác biệt của sản phẩm và hệ số giá
- 2.4. Thị trường độc quyền thuần túy: quyền lực độc quyền và chiến lược giá
- 2.5. Thị trường độc quyền nhóm: Lý thuyết trò chơi và bài toán nghịch lý nhà tù cho chiến lược giá

CHƯƠNG 3: CHÍNH SÁCH GIÁ VÀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- 3.1. Sự cần thiết xây dựng chính sách giá cả trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp
- 3.2. Dao động của giá cả và các tác động của nó
- 3.3. Giá trần và giá sàn trong kiểm soát giá cả
- 3.4. Vai trò của nhà nước trong hình thành quản lý thực hiện chính sách giá

CHƯƠNG 4: VẬN DỤNG THỰC TIỄN LÝ THUYẾT GIÁ: NGHIÊN CỨU CHO CÁC SẢN PHẨM NĂNG LƯỢNG

- 4.1. Chuyên đề về giá dầu mỏ
 - 4.1.1 Các đặc trưng kinh tế kỹ thuật của công nghiệp dầu mỏ
 - 4.1.2 Khái quát về thị trường dầu mỏ quốc tế
 - 4.1.3 Các hệ thống giá dầu mỏ quốc tế
 - 4.1.4 Cơ chế định giá dầu mỏ quốc tế trong ngắn hạn
 - 4.1.5 Cơ chế định giá dầu mỏ quốc tế trong trung và dài hạn
 - 4.1.6 Giá quốc tế các sản phẩm dầu mỏ
 - 4.1.7 Thị trường và cơ chế định giá dầu mỏ Việt nam
- 4.2. Chuyên đề về giá điện
 - 4.2.1 Đặc điểm của các hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng
 - 4.2.2 Các vấn đề về chi phí sản xuất của HTĐ
 - 4.2.3 Các nguyên tắc định giá bán điện
 - 4.2.4 Các phương pháp định giá bán điện
 - 4.2.5 Các biểu giá bán điện
 - 4.2.6 Chính sách và khung biểu giá điện hiện hành ở Việt nam

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] AMUNDSEN E.S. [1992] : « Théorie des ressources épuisables et rente pétrolière », Paris, Edition Economica
- [2] Bùi Xuân Hối [2008]: Giáo trình lý thuyết giá năng lượng, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2008.
- [3] Nguyễn Đại Thắng [2006]: Kinh tế học vi mô, NXB Bách Khoa, 2006
- [4] PERCEBOIS J. (sous la direction de) [1997] : « Energie et théorie économique », Paris, Editions Cujas.
- [5] PERCEBOIS J. [1989] : « *Economie de l'énergie* », Bibliothèque des Matières Premières, Economica.
- [6] PERCEBOIS J. [1999] : « L'apport de la théorie économique aux débats énergétiques », in *Revue de l'Energie* n°509, pp. 473-488.

EM7221 Kinh tế học phát triển

Development Economics

- 1. Tên học phần:** Kinh tế học phát triển
- 2. Mã học phần:** EM7221
- 3. Tên tiếng Anh:** Development Economics
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học

- 6. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành Kinh tế học, lý thuyết về phát triển của các nước thứ ba, ứng dụng để nghiên cứu sự phát triển của nền kinh tế tại Việt nam;

- Nâng cao các kỹ năng về lập kế hoạch, xây dựng chiến lược, phân tích và nghiên cứu ứng dụng phát triển kinh tế tại Việt nam và các nước thế giới thứ ba;

- Trang bị và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương pháp của kinh tế vi mô, toán học, định lượng và định tính trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tại Việt nam và các nước thứ ba.

7. Nội dung tóm tắt:

Kinh tế học phát triển là một khoa học nghiên cứu các lý thuyết, mô hình, nguồn lực và các phương thức để đưa một nền kinh tế kém phát triển thành một nền kinh tế phát triển. Môn học này là một chuyên ngành của kinh tế học ứng dụng nghiên cứu các đặc trưng kinh tế xã hội điển hình của một nền kinh tế kém phát triển từ quan điểm về nỗ lực của các hộ gia đình cũng như doanh nghiệp. Môn học này không những trang bị các lý thuyết về phát triển mà còn mang tính ứng dụng thực tế phát triển kinh tế các nước, các ngành và lĩnh vực phát triển kinh tế. Thông qua việc sử dụng các phương pháp của kinh tế học vi mô, các phương pháp toán học, tối ưu hóa và kết hợp giữa các phương pháp định lượng và định tính cũng như việc phát triển kết hợp các chiến lược về chính trị và xã hội, môn học này sẽ giúp các nhà quản trị xây dựng các kế hoạch về phát triển tại các nước thế giới thứ ba.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: tham dự đầy đủ các buổi giảng dạy của giảng viên

- Bài tập: thực hiện các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, nghiên cứu các bài tập tình huống theo nhóm và trình bày nhóm

- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 20%

- Kiểm tra định kỳ: 30%

- Thi kết thúc học phần: 50%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: CÁC MÔ HÌNH TĂNG TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- 1.1 Các mô hình tăng tăng trưởng và phát triển kinh tế trong lịch sử
- 1.2 Ứng dụng các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với một số nước đang phát triển: Đông Á, Nam Á, châu Phi, Trung Đông, Mỹ La Tinh.

CHƯƠNG 2: DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN

- 2.1 Nghiên cứu mối quan hệ của tăng trưởng dân số với phát triển
- 2.2 Nghiên cứu tình hình lao động ở các nước kém phát triển

CHƯƠNG 3: NGUỒN VỐN VỚI PHÁT TRIỂN – ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN

- 3.1 Đánh giá hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài và các tập đoàn đa quốc gia (MNC)
- 3.2 Đánh giá hiệu quả của tài trợ nước ngoài

CHƯƠNG 4: NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN

- 4.1 Thực trạng ngoại thương của các nước kém phát triển (LDC)
- 4.2 Nghiên cứu các chiến lược phát triển dựa vào ngoại thương

CHƯƠNG 5: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ NỢ NƯỚC NGOÀI

- 5.1 Thực trạng của cán cân thanh toán quốc tế của LDC
- 5.2 Nghiên cứu tình hình khủng hoảng nợ của LDC

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Ray, D. (2011) *Development Economics*. Princeton University Press
- [2] WTO: www.wto.org (<http://www.wto.org/>)
- [3] FAO: www.fao.org (<http://www.fao.org/>)
- [4] UNIDO: www.unido.org (<http://www.unido.org/>)

EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững
Issues of Energy and Sustainable Development

1. **Tên học phần:** Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững
2. **Mã học phần:** EM7131
3. **Tên tiếng Anh:** Issues of Energy and Sustainable Development
4. **Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thí nghiệm:
5. **Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành kinh tế công nghiệp
6. **Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:
 - Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành năng lượng có tính đến vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững
 - Rèn luyện khả năng nghiên cứu
 - Cách tiếp cận tổng hợp: nghiên cứu xem xét vấn đề phát triển trong tổng thể phát triển hài hòa kinh tế xã hội và môi trường

7. Nội dung tóm tắt:

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ các quan điểm ra quyết định khác nhau từ cách tiếp cận truyền thống đến tiếp cận phát triển bền vững.

Nội dung của môn học tập trung làm rõ mối quan hệ tương tác giữa năng lượng, phát triển kinh tế và vấn đề bảo vệ môi trường. Vấn đề xây dựng chính sách năng lượng theo các quan điểm khác nhau từ trường phái kinh tế không biên giới đến trường phái phát triển bền vững – Quan điểm phát triển với việc cân bằng và làm hài hoà đồng thời các mục tiêu của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên – yếu tố công nghệ; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường.

Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”. Các quy hoạch và phát triển hệ thống năng lượng trên quan điểm này cần phải được nghiên cứu với các ràng buộc về kinh tế- xã hội – môi trường được xây dựng theo độ sâu của mô hình phát triển bền vững với việc đưa vào khái niệm tổng quan “carbon Value”.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: 100%
- Bài tập: thực hiện đầy đủ
- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%
- Thi kết thúc học phần và bài tập: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - NĂNG LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG

- 1.1 Phát triển kinh tế và nhu cầu sử dụng tài nguyên năng lượng
- 1.2 Sử dụng tài nguyên năng lượng và vấn đề phát thải ô nhiễm
- 1.3 Ô nhiễm môi trường và lý thuyết kinh tế môi trường: thuế Pigou, giải pháp thương thảo Coase và thị trường phát thải Dales để nội hóa chi phí ngoại ứng

CHƯƠNG 2: TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ KHÔNG BIÊN GIỚI VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 2.1 Trường phái “Kinh tế không biên giới” và hệ lụy của nó
- 2.2 Biến đổi khí hậu-thương thảo quốc tế và nghị định thư Kyoto về giảm khí thải: Bài học về lựa chọn con đường phát triển.
- 2.3 Các vấn đề lý thuyết về phát triển bền vững và phát triển năng lượng bền vững: Sự giao thoa của các mục tiêu kinh tế - xã hội-môi trường – công nghệ của các chính sách năng lượng

CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT RA QUYẾT ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG: TỪ CỰC TIỂU CHI PHÍ ĐẾN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG.

- 3.1 Tiếp cận truyền thống: cực tiểu chi phí kinh tế được hiện tại hóa (NPV)
- 3.2 Tiếp cận tối ưu hóa chi phí/lợi ích: nội hóa các phí ngoại ứng trong phát triển năng lượng
- 3.3 Tiếp cận chi phí/hiệu quả: Nguyên tắc hiệu quả về chi phí trong cho các mục tiêu phát triển năng lượng
- 3.4 Quan niệm “Giá trị carbon” trong các mô phỏng kinh tế về phát triển năng lượng bền vững.
- 3.5 Phát triển hệ thống năng lượng bền vững: mô phỏng với mô hình POLES

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

- [1] TS. Bùi Xuân Hồi [2010]: Tập bài giảng “*Năng lượng và phát triển bền vững*”
- [2] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [3] *Kinh tế năng lượng thế giới*, Jean - Marie Martin, Nguyễn Minh Huệ dịch, 1992, NXB Khoa học và kỹ thuật
- [4] *Giáo trình: Kinh tế năng lượng*: Phạm Thu Hà chủ biên. 2006, NXB Thống kê
- [5] *Giáo trình: Giá năng lượng*: TS Bùi Xuân Hồi 2008 NXB Đại học Bách Khoa

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] PennWell Corporation, *Oil & Gas Journal*, Vol.100, No 52 (December 23,2002).
- [2] Internet “*Oil & Gas Journal January 1, 2003*”.
- [3] TS Nguyễn Cảnh Nam (2003), *Sự hình thành và phát triển thị trường than Việt Nam*, Hà Nội.
- [4] Bộ Công nghiệp (2002) *Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2003 -2010 có xét tới triển vọng đến năm 2020*, Hà Nội
- [5] Bộ Công nghiệp (2008) *Tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2010-2020 có xét tới triển vọng đến năm 2025*, Hà Nội
- [6] Perthuis C. (2007): *Prix du carbone et choix énergétiques*, in *Liaison Énergie-Francophonie*, no 74, 2007.
- [7] IAEA-UN (2007): *Energy Indicator for Sustainable Development, Country Studies on Brazil, Cuba, Lithuania, Mexico, Russian Federation, Slovakia and Thailand*, IAEA-UN 2007.
- [8] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [9] Pearce D. Atkinson G. Mourato S. (2006): *Cost-Benefit Analysis and the Environment: Recent Developments*, OECD 2006, vol. 2006.
- [10] Blanchard O., Criqui P. (2000): *La valeur du carbone: un concept générique pour les politiques de réduction des émissions*, in *Économie Internationale, la Revue du CEPII*, no82, 2è trimestre 2000.
- [11] Pearce D.W. (2003) *The social cost of carbon and its policy implications*. *Oxford Review of Economic Policy* 19, pp. 362-384.
- [12] Watkiss P. (2005), “*The Social Costs of Carbon (SCC) Review – Methodological Approaches for Using SCC Estimates in Policy Assessment*”, Department for Environment, Food and Rural Affairs, December 2005.
- [13] Centre d’Analyse Stratégique (2008): *La valeur tutélaire du carbone*, *Rapports et documents*, Juin 2008.
- [14] Criqui P., Kouvaritakis N., (2000) : *World Energy Projections to 2030*, in *International Journal of Global Energy Issues*, Vol. 14, n° 1-2-3-4, pp. 116-136.

EM7241 Kinh tế học lao động

Labour Economics

- 1. Tên học phần:** Kinh tế học lao động
- 2. Mã học phần:** EM7241
- 3. Tên tiếng Anh:** Labour Economic
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và các ngành có liên quan
- 6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:
 - Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu kinh tế học lao động hiện nay
 - Nắm bắt được những vấn đề nghiên cứu hiện nay trong lĩnh vực kinh tế học lao động
 - Biết cách đặt vấn đề và xây dựng các hướng nghiên cứu chuyên sâu và thực tiễn liên quan đến kinh tế học lao động
 - Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế học lao động tại Việt Nam.

7. Nội dung tóm tắt:

Học phần này cung cấp cho học viên những phân tích kinh tế tổng quan về kinh tế học lao động. Học viên sẽ nắm bắt được những cách thức làm thế nào để các doanh nghiệp đưa ra các quyết định liên quan đến nhu cầu của họ về người lao động, người lao động quyết định như thế nào về việc làm của họ và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về lương và các chế độ phúc lợi. Học phần này cũng sẽ nghiên cứu về lịch sử xu thế thị trường lao động và những vấn đề ảnh hưởng đến thị trường như sự thay đổi về nhân khẩu học, sự phân biệt đối xử và vai trò của các tổ chức công đoàn. Thông qua học phần này, chúng ta cũng sẽ nắm bắt những ảnh hưởng của các chính sách công (như lương tối thiểu, cơ hội việc làm thay thế, và chính sách trợ cấp thất nghiệp) tác động đến thị trường lao động.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: 100%
- Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
- Thí nghiệm: không

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Đánh giá quá trình: 30%
 - Tham gia dự giờ trên lớp học
 - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm

- Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về Kinh tế học Lao động

- 1.1 Các khái niệm cơ bản và phạm vi nghiên cứu của kinh tế học lao động
- 1.2 Thị trường lao động
- 1.3 Các phương pháp nghiên cứu kinh tế học lao động

CHƯƠNG 2: Cung lao động

- 2.1 Mô hình cung lao động tĩnh
- 2.2 Mô hình cung lao động từ hộ gia đình
- 2.3 Mô hình cung lao động động
- 2.4 Sự thiếu tương xứng giữa chất lượng và số lượng của cung lao động tại Việt Nam

CHƯƠNG 3: Cầu lao động

- 3.1 Cầu lao động trên thị trường cạnh tranh và không cạnh tranh
- 3.2 Cầu lao động trong ngắn hạn và dài hạn
- 3.3 Tác động của giá lên cầu lao động

CHƯƠNG 4: Lương cân bằng và quyết định việc làm

- 4.1 Cân bằng thị trường lao động, cạnh tranh và các định chế
- 4.2 Sự khác biệt về lương bổng trên các thị trường lao động
- 4.3 Lương tối thiểu và các quy định của nhà nước ảnh hưởng tới thị trường lao động
- 4.4 Thất nghiệp và quyết định việc làm
- 4.5 Công đoàn và thương lượng tập thể

CHƯƠNG 5: Vốn con người, học vấn và việc làm

- 5.1 Đầu tư vốn con người và các vấn đề cơ bản
- 5.2 Mô hình cân bằng về đầu tư vốn con người
- 5.3 Học vấn và việc làm
- 5.4 Các vấn đề về vốn con người trên thị trường lao động toàn cầu và Việt Nam

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] George J. Borjas, *Kinh Tế Học Lao Động – Labor Economics*, Đại học Harvard, 2000 (đã dịch ra tiếng Việt).
- [2] Ronald G. Ehrenberg, Robert S. Smith (2008), *Modern Labor Economics: Theory and Public Policy*, Pearson Education.
- [3] Cahuc, Pierre and André Zylberberg (2004), *Labor Economics*, MIT press.
- [4] Gordon B. (2002), *An overview of labor markets worldwide: key trends and major policy issues*, World Bank.
- [5] Behrman, Jere R. (1999), *Labor markets in developing countries*, O. Ashenfelter & D. Card (ed.), *Handbook of Labor Economics*, chapter 43, pages 2859-2939, 1999.
- [6] Acemoglu, Daron (1999), *Why do New Technologies Complement Skills? Directed Technical Change and Wage Inequality*, *Quarterly Journal of Economics*, vol. 113, pp 1055-89.

EM7251 Kinh tế học tiền tệ

Monetary Economics

- 1. Tên học phần:** Kinh tế học tiền tệ
- 2. Mã học phần:** EM7251
- 3. Tên tiếng Anh:** Monetary Economics
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
- 5. Đối tượng tham dự:** NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học
- 6. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:
 - Các kiến thức chuyên sâu của kinh tế học dưới góc độ tiền tệ, có liên quan đặc biệt tới hoạt động của hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, tới chính sách tiền tệ và quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính.
 - Rèn luyện khả năng tư duy kinh tế học
 - Rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô thực tế như biến động lãi suất, tỷ giá, lạm phát,...
- 7. Nội dung tóm tắt:** Học phần đề cập đến một số chủ đề quan trọng trong kinh tế học hiện đại, gắn với các vấn đề thực tế mang tính thời sự như quản lý lãi suất, tỷ giá, mức giá, thị trường tài chính,... nhằm đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: Dự lớp theo yêu cầu
 - Bài tập: Nghiên cứu, tóm tắt các tài liệu được giao từ các sách, tạp chí; Ứng dụng phân tích các vấn đề thực tế theo chủ đề.
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm theo quy định đối với Cao học)
 - Mức độ dự giờ giảng: 10%
 - Kiểm tra định kỳ: 20%
 - Thi kết thúc học phần: 70%
- 10. Nội dung chi tiết học phần:**

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

Chương 1: Lãi suất và các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất

1.1. Tiền và lãi suất

- 1.2. Các loại lãi suất và đo lường lãi suất
- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất
- 1.4. Ứng dụng: Phân tích tình trạng lãi suất ở Việt Nam

Chương 2: Quá trình cung ứng tiền tệ và chính sách tiền tệ

- 2.1. Ngân hàng trung ương và hoạt động phát hành tiền
- 2.2. Hoạt động tạo ra tiền của các ngân hàng thương mại
- 2.3. Chính sách tiền tệ và điều hành chính sách tiền tệ

Chương 3: Tỷ giá hối đoái và quản lý tỷ giá hối đoái

- 3.1. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái
- 3.2. Hệ thống tài chính quốc tế và chính sách tiền tệ
- 3.3. Quản lý tỷ giá hối đoái ở Việt Nam

Chương 4: Lý thuyết tiền tệ

- 4.1. Các lý thuyết cầu về tiền
- 4.2. Mô hình IS-LM: quan hệ lãi suất và sản lượng
- 4.3. Mô hình AD-AS: quan hệ giá và sản lượng
- 4.3. Tiền tệ và lạm phát
- 4.4. Ứng dụng: Phân tích tình hình lạm phát ở Việt Nam

Chương 5: Cấu trúc tài chính và khủng hoảng tài chính

- 5.1. Hệ thống tài chính và vai trò của hệ thống tài chính
- 5.2. Những vấn đề cơ bản về cấu trúc tài chính và phân tích kinh tế về cấu trúc tài chính
- 5.3. Khủng hoảng tài chính và những vấn đề đặt ra

11. Tài liệu học tập:

Frederic S.Mishkin. (1994) Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (The Economics of Money, Banking and Financial Markets). NXB Khoa học và kỹ thuật.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] William A. Fleckenstein,...(2009) *Những bong bóng tài chính của Greenspan – Một thời kỳ xuân ngốc ở Ngân hàng Dự trữ Liên bang*. NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] George Soros. (2009) *Mô thức mới cho thị trường tài chính – Cuộc khủng hoảng tài chính 2008 và ý nghĩa của nó*. NXB Tri thức.
- [3] George Cooper. (2008) *Nguồn gốc khủng hoảng tài chính*; NXB Lao động Xã hội
- [4] Lê Vinh Danh. (2009) *Tiền và hoạt động ngân hàng*. NXB Giao thông Vận tải.